TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ K** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:18/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 08 - 7 - 2022
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ K – TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền

Các Hội thẩm nhân dân :

1. Ông Hoàng Văn Ngọc
2. Bà Nguyễn Thị Lựu

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hiền Lương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã K.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã K tham gia phiên tòa: Bà Quách Thị Nên - Kiểm sát viên.

Ngày 08/7/2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thị xã K xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 306/2021/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2021 về việc "ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2022/QĐXX-ST ngày 24 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2022/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Vũ Minh T, sinh năm 1983

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 1987

Đều có địa chỉ: KDC A1, phường A, thị xã K, tỉnh Hải Dương (Anh T và chị T1 đều đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 11 tháng 11 năm 2021 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Vũ Minh T trình bày: Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị T1 vào ngày 11/11/2011, được đăng ký kết hôn tại UBND phường A trên tinh thần tự nguyện. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do vợ chồng bất đồng với nhau về quan điểm sống, đôi bên không có tiếng nói chung trong cách đối nhân xử thế, quan hệ sinh hoạt, phương thức giáo dục con cái trong gia đình. Dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm, cãi vã lẫn nhau. Cuộc sống gia đình căng thẳng, niềm tin, sự hạnh phúc không còn nên tháng 8/2020, anh và chị T1 đã tự sống ly thân. Nay tình cảm vợ chồng thực sự không còn, mâu thuẫn giữa đôi bên không thể hàn gắn được, nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị T1.

Chị Nguyễn Thị T1 trình bày: Chị kết hôn cùng anh Vũ Minh T vào ngày 11/11/2011, được đăng ký kết hôn tại UBND phường A trên tinh thần tự

nguyện. Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống hòa thuận được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T đi cả ngày cả đêm, vợ chồng không có tình cảm, tháng 8/2020 chị và anh T tự sống ly thân. Quá trình Tòa án tiến hành hòa giải, chị cũng không còn tình cảm gì với anh T, song giữa chị và anh T vẫn chưa thỏa thuận xong, nên chị không nhất trí ký đơn thuận tình ly hôn cùng anh T.

Về con chung: Anh T và chị T1 có hai con chung là cháu Vũ Nguyễn Bảo T1, sinh ngày 13/7/2012 và cháu Vũ Khánh N, sinh ngày 14/8/2019. Hiện hai cháu đang ở cùng chị T1. Chị T1 đề nghị được nuôi dưỡng cả hai cháu và yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị cho mỗi cháu là 4.000.000đ/tháng, được tính gộp làm một lần, kể từ ngày có quyết định ly hôn cho đến khi hai cháu đủ tuổi trưởng thành, được thanh toán làm một lần tại Tòa. Anh T nhất trí việc giao cháu Bảo T1 và cháu Khánh N cho chị T1 trực tiếp nuôi dưỡng và nhất trí mức cấp dưỡng nuôi hai cháu cho chị T1 cho mỗi cháu là 4.000.000đ/tháng/cháu, nhưng với yêu cầu được thanh toán gộp làm một lần theo yêu cầu của chị T1, thì anh không nhất trí.

Cháu Vũ Nguyễn Bảo T1 có nguyện vọng xin được ở cùng chị T1.

Về tài sản chung, riêng, vay nợ: Anh T và chị T1 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án.

Xác minh tại địa phương phường A cung cấp: Anh T và chị T1 kết hôn với nhau ngày 11 tháng 11 năm 2011 được đăng ký kết hôn tại UBND phường A. Trong quá trình chung sống, giữa hai bên nảy sinh mâu thuẫn, hiện anh T không chung sống cùng chị T1. Nay anh T xin ly hôn, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, anh T đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và giữ nguyên quan điểm như đã trình bày. Chị T1 cũng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nhất trí ly hôn cùng anh T; Về con chung, đề nghị được nuôi dưỡng con chung và mức cấp dưỡng theo nội dung đã nêu; Về vấn đề tài sản, chị và anh T đã được giải quyết xong, nên chị không có quan điểm, yêu cầu giải quyết gì thêm.

Đại diện VKSND thị xã K phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng thủ tục tố tụng. Nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh nghĩa vụ theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Bị đơn không chấp hành nghĩa vụ theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho anh Vũ Minh T được ly hôn chị Nguyễn Thị T1.

- *Về con chung:* Giao cháu Vũ Nguyễn Bảo T1, sinh ngày 13/7/2012 và cháu Vũ Khánh N, sinh ngày 14/8/2019 cho chị T1 trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp

nhận sự tự nguyện của anh T, buộc anh T phải có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị T1 mỗi cháu là 4.000.000 đồng/tháng từ tháng 7/2022 đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

- *Về tài sản chung, riêng, nợ chung:* Không yêu cầu nên không đặt ra việc giải quyết.

- *Về án phí:* Anh Vũ Minh T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét yêu cầu khởi kiện của anh Vũ Minh T đối với chị Nguyễn Thị T1 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại phường A, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Quá trình Tòa án đưa vụ án ra xét xử anh Vũ Minh T và chị Nguyễn Thị T1 đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, TAND thị xã K áp dụng khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt anh Vũ Minh T và chị Nguyễn Thị T1 là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Minh T kết hôn với chị Nguyễn Thị T1 trên tinh thần tự nguyện, được đăng ký kết hôn là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét nguyên nhân gây mâu thuẫn dẫn tới việc anh T đề nghị xin ly hôn chị T1, chủ yếu là do đôi bên có sự bất đồng với nhau về quan điểm sống, thiếu lòng tin và trách nhiệm đối với nhau. Tháng 8 năm 2020, anh T và chị T1 đã tự sống ly thân. Quá trình hòa giải anh T và chị T1 đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, tại phiên tòa anh chị đều đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, anh T giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn, chị T1 cũng nhất trí. Những điều đó, chứng tỏ quan hệ vợ chồng giữa anh T và chị T1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không thành, nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T. Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình để xử cho anh Vũ Minh T được ly hôn chị Nguyễn Thị T1 là phù hợp.

[3] Về con chung: Anh T và chị T1 có có hai con chung là cháu Vũ Nguyễn Bảo T1, sinh ngày 13/7/2012 và cháu Vũ Khánh N, sinh ngày 14/8/2019, hiện hai cháu đều đang ở với chị T1. Xét nguyện vọng nuôi dưỡng con chung của anh T và chị T1 là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luận, cũng như phù hợp nguyện vọng của cháu Bảo T1, nên cần chấp nhận giao cả hai cháu Vũ Nguyễn Bảo T1 và Vũ Khánh N cho chị T1 trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo cuộc sống ổn định cho các cháu.

[4] Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Xét mức cấp dưỡng nuôi con của anh T là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với khả năng điều kiện công việc của anh T hiện nay, nên chấp nhận mức cấp dưỡng nuôi con chung của anh T cho chị T1 là 4.000.000đ/tháng/cháu, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các cháu Bảo T1 và Khánh N đủ tuổi trưởng thành.

Đối với yêu cầu của chị T1 đề nghị mức cấp dưỡng cho mỗi cháu là 4.000.000đ/tháng, được tính gộp làm một lần, kể từ ngày có quyết định ly hôn cho đến khi hai cháu đủ tuổi trưởng thành, được thanh toán làm một lần tại Tòa.

Xét yêu cầu của chị T1 anh T không đồng ý, không có căn cứ để áp dụng. Do vậy yêu cầu của chị T1 không có cơ sở để chấp nhận.

[5] Về tài sản chung, vay nợ chung: Anh T và chị T1 tự thỏa thuận, nên không đặt ra giải quyết trong vụ án.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án thì anh T phải nộp tiền án phí sơ thẩm ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81,82,83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án. **Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Vũ Minh T.

1.Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Vũ Minh T và chị Nguyễn Thị T1.

2. Về con chung: Giao con chung cháu Vũ Nguyễn Bảo T1, sinh ngày 13/7/2012 và cháu Vũ Khánh N, sinh ngày 14/8/2019 cho chị Nguyễn Thị T1 trực tiếp nuôi dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi hai cháu đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3.Về yêu cầu cấp dưỡng: Chấp nhận sự tự nguyện của anh Vũ Minh T có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị Nguyễn Thị T1 đối với cháu Vũ Nguyễn Bảo T1 và cháu Vũ Khánh N, mỗi cháu là 4.000.000đ/tháng/cháu được tính kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi hai cháu đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, chị T1 yêu cầu thi hành khoản tiền trên mà anh T chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

4. Về chia tài sản, số nợ chung, riêng: Các bên tự thỏa thuận, nên không đặt ra việc giải quyết trong vụ án.

5. Về án phí: Anh Vũ Minh T phải nộp 300.000đ tiền án phí sơ thẩm ly hôn và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con, nhưng được đối trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền số: AA/2020/0001075 ngày 10/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã K. Anh Vũ Minh T còn phải nộp 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

6. Về quyền kháng cáo: Anh Vũ Minh T và chị Nguyễn Thị T1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND thị xã K;
- Chi cục THADS thị xã K;
- UBND phường A, KM,H.D;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ ,VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hiền